

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/DS-ST**
Ngày 09-3-2022
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Châu Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Ông Lê Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2021 và các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Kim T trình bày:

Bà làm chủ hui, vợ chồng ông Lê Văn C và bà Lê Thị N có tham gia hui nhưng sau khi hốt hui thì không đóng hui chết cho bà. Bà có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện U Minh và đã được xét xử tại bản án số 13/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh buộc ông C, bà N trả tiền hui chết cho bà đến tháng 11 năm 2019 âm lịch. Từ tháng 12 năm 2019 đến mãi các dây hui nhưng ông C, bà N không đóng hui chết còn lại, cụ thể

- Dây hui mở ngày 19/6/2017 âl, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, bà N, ông C tham gia 03 chân, tính từ tháng 12/2019 đến mãi thì còn nợ 01 tháng tiền hui x 03 phần x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 06/9/2017 âl, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, bị đơn tham gia 02 phần, từ tháng 12/2019 đến mãi còn 03 tháng chưa đóng là 03 tháng x 02 phần = 6.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 09/12/2017 âl, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, bị đơn tham gia 01 phần, tính từ tháng 12/2019 đến mãi hội là tháng 4 sau năm 2020 (vì tháng 4 nhuận) còn chưa đóng là 06 tháng là 6.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 26/4/2018 âl, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, bị đơn tham gia 01 phần, tính từ tháng 12/2019 âm lịch đến mãi hội tháng 4 trước năm 2020 âm lịch (vì năm 2020 nhuận 2 tháng 4) còn chưa đóng là 05 tháng là 5.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 29/10/2018 âl, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, bị đơn tham gia 02 phần, tính từ tháng 12/2019 âm lịch đến mãi hội tháng 11 năm 2020 âm lịch (vì năm 2020 nhuận 2 tháng 4) còn chưa đóng là 13 tháng x 2 phần x 1.000.000 đồng là 26.000.000 đồng.

Hội đã mãi nhưng bà N, ông C còn thiếu lại tổng số tiền 46.000.000 đồng chưa đóng nên bà yêu cầu ông C và bà N trả số hội còn thiếu như trên.

- Bị đơn bà Lê Thị N, ông Lê Văn C vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C, bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà N.

[2] Về quan hệ tranh chấp: giao dịch dân sự giữa bà Lê Kim T với bà Lê Thị N và ông Lê Văn C được xác định là tranh chấp hội theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Việc tranh chấp hội giữa các đương sự đã được giải quyết đối với số tiền hội chưa đóng đến tháng 11/2019 thể hiện tại bản án số 13/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền hội còn thiếu từ tháng 12/2019 âm lịch đến mãi hội đối với các dây hội mở ngày 19/6/2017 âl, ngày 06/9/2017 âl, ngày 09/12/2017 âl, ngày 26/4/2018 âl, ngày 29/10/2018 âl, các bị đơn không có ý kiến phản đối. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định sau khi hội mãi thì bà N và ông C vẫn chưa đóng tiền hội còn phải đóng tiếp từ tháng 12/2019 đến khi hội kết thúc, do đó, bà T yêu cầu bà N và ông C trả tiếp tiền hội theo trình bày của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Buộc bà N, ông C trả cho bà T số tiền hội còn thiếu từ tháng 12/2019 đến khi hội mãi tổng cộng là 46.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.000.000 đồng x 5% = 2.300.000 đồng.

[5] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà T được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T. Buộc bà Lê Thị N và ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim T số tiền nợ hui còn lại là 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng (các dây hui mở ngày 19/6/2017 âl, ngày 06/9/2017 âl, ngày 09/12/2017 âl, ngày 26/4/2018 âl, ngày 29/10/2018 âl).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N và ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.300.000 (Hai triệu ba trăm ngàn) đồng (chưa nộp).

Hoàn trả cho bà Lê Kim T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0006343 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bà Lê Kim T, bà Lê Thị N, ông Lê Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng